

Số: 1219/TB-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 7 năm 2024

SỞ NỘI VỤ NINH THUẬN  
Số: 229  
Ngày: 12/8/2024  
Chuyên: Giáo dục và Đào tạo  
Số và ký hiệu HS: Căn cứ

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH  
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024 - ĐỢT 2**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;  
Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-ĐHDL ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Trường Đại học Đà Lạt thông báo về việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 đợt 2 như sau:

**1. Ngành đào tạo, mã ngành, chỉ tiêu, định hướng đào tạo và phương thức tuyển sinh**

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO	PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH
1	Toán giải tích	8460102	14	- Nghiên cứu - Ứng dụng	Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào bậc 3/6 đối với các ứng viên chưa có chứng chỉ tiếng Anh Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
2	Vật lý kỹ thuật	8520401	9		
3	Hóa phân tích	8440118	15		
4	Sinh thái học	8420120	15		
5	Sinh học thực nghiệm	8420114	15		
6	Văn học Việt Nam	8220121	15		
7	Lịch sử Việt Nam	8229013	8		
8	Luật	8380101	18		
9	Quản trị kinh doanh	8340101	37		
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	50		
11	Ngôn Ngữ Anh	8220201	16	Ứng dụng	Xét tuyển kết hợp thi đánh giá năng lực tiếng Trung hoặc tiếng Pháp đầu vào bậc 3/6 đối với các ứng viên chưa có chứng chỉ tiếng Trung hoặc tiếng Pháp, Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

**2. Địa điểm, hình thức, chương trình và thời gian đào tạo**

- Địa điểm đào tạo: tại Trường Đại học Đà Lạt.
- Hình thức đào tạo chính quy.
- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có khối lượng 60 tín chỉ theo hai định hướng: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.
- Thời gian đào tạo từ 1,5 năm đến 2 năm.

### 3. Điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi (có Danh mục ngành phù hợp để dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành kèm theo);

- Đối với người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ vào các chương trình định hướng nghiên cứu phải có hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học trên các kỷ yếu hội nghị trong nước, quốc tế, các tạp chí khoa học có chỉ số ISSN liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

- Có đủ sức khoẻ để học tập;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

### 4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Xét tuyển: áp dụng cho các ứng viên đáp ứng hai tiêu chí sau:

#### 4.1.1. Năng lực ngoại ngữ

- Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy do Trường Đại học Đà Lạt cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ mà chuẩn đầu ra của chương trình đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển).

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các đơn vị đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực hoặc các chứng chỉ tương đương khác quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển. Cụ thể:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 Kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc : 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149

2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Hồ sơ đăng ký dự tuyển phải được Hiệu trưởng phê duyệt.

#### 4.1.2. Về kinh nghiệm và chuyên môn

- Ứng viên tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học *ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức* được đăng ký dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp.

- Ứng viên tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện tốt nghiệp đại học *ngành phù hợp có học bổ sung kiến thức* được đăng ký dự tuyển sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Đà Lạt.

#### 4.1.3. Cách thức xét tuyển

- Dựa trên điểm trung bình tích lũy toàn khóa theo thang điểm 10 (tính đến 2 chữ số thập phân) trong Bảng điểm hay Phụ lục trong văn bằng tốt nghiệp hoặc tương đương.

- Người dự tuyển có công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước theo ngành đào tạo, cụ thể: là tác giả chính (tác giả đứng đầu hay tác giả liên hệ) được cộng 0,5 điểm (tính theo thang điểm 10); là đồng tác giả được cộng 0,25 điểm (tính theo thang điểm 10).

- Điểm thưởng tối đa đối với mỗi ứng viên là nửa điểm (0,5 điểm).

- Không áp dụng điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học đối với người dự tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu có hạng tốt nghiệp loại trung bình, yêu cầu phải có công bố khoa học đáp ứng điều kiện xét tuyển như đã nêu mục 3.

- Tổng điểm xét tuyển bao gồm: điểm trung bình tích lũy đại học (đã quy đổi theo thang điểm 10) + điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có) + điểm ưu tiên (nếu có)

#### 4.2. Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển

Trường hợp ứng viên chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ quy định ở mục 4.1.1 trong thông báo này thì ứng viên phải dự thi môn ngoại ngữ. Những ứng viên có điểm thi môn ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100) thì được xét tuyển theo các tiêu chí quy định ở mục 4.1.3 thông báo này.

## **5. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **5.1. Đối tượng ưu tiên**

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương thuộc KV1 theo quy định hiện hành;

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### **5.2. Chính sách ưu tiên**

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng 10,0 điểm (thang điểm 100) cho môn Ngoại ngữ. Được cộng tối đa đến 0,5 điểm cho điểm xét tuyển.

- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

## **6. Học phí**

Học viên sẽ đóng học phí theo năm học tùy theo số tín chỉ học viên đăng ký, mức học phí thu theo quy định của Trường Đại học Đà Lạt (từ 450.000 đồng đến 720.000 đồng/tín chỉ).

## **7. Hồ sơ dự tuyển**

1. 01 phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
2. 01 sơ yếu lý lịch (theo mẫu, có xác nhận của cơ quan hoặc phường xã);
3. 02 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp đại học (có đối chiếu bản gốc);
4. 02 bản sao công chứng Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân;
5. 02 bản sao công chứng Bảng điểm đại học;
6. 02 tấm ảnh mới chụp, không đeo kính (3 x 4);
7. Trường hợp đối tượng ưu tiên cần nộp 02 bản sao giấy xác nhận thời gian công tác và các giấy tờ liên quan có công chứng;
8. 01 công văn cử đi thi của cơ quan chủ quản (nếu là công chức, viên chức);
9. Đối với trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ cần nộp 02 bản sao công chứng văn bằng chứng chỉ phù hợp;
10. Các chứng chỉ bổ túc kiến thức (nếu có);

11. Minh chứng là tác giả chính của công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có).

**Lưu ý:** Không nhận nếu hồ sơ chưa đủ, chưa đúng yêu cầu; hồ sơ đã nộp không trả lại.

### 8. Thời gian nộp hồ sơ và thi, xét tuyển

- Thời hạn nộp hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết 17h00, ngày 30 tháng 9 năm 2024;
- Thời gian thi, xét tuyển (dự kiến): ngày 20 tháng 10 năm 2024;
- Lệ phí thi, xét tuyển: 800.000 đồng;
- Thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học (dự kiến): ngày 25 tháng 10 năm 2024;

- Thông tin chi tiết liên hệ tại: phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Đà Lạt – Website: <http://sdh.dlu.edu.vn> - Email: [qldtsaudaihoc@dlu.edu.vn](mailto:qldtsaudaihoc@dlu.edu.vn) hoặc [taipv@dlu.edu.vn](mailto:taipv@dlu.edu.vn), Điện thoại: 02633552861 hoặc 0937909395.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Thông báo rộng rãi;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

*full*



*Mai Minh Nhật*



Lâm Đồng, ngày 29 tháng 7 năm 2024

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP ĐỀ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024

STT	NGÀNH DỰ TUYỂN THẠC SĨ	NGÀNH PHÙ HỢP			CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC
		NGÀNH KHÔNG CÁN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC	NGÀNH CÁN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC		
1	Toán giải tích	1. Toán học 2. Sư phạm Toán học	1. Toán – Tin học 2. Toán ứng dụng	1. Giải tích hàm 2. Phương trình vi phân	
2	Vật lý kỹ thuật	1. Vật lý học 2. Sư phạm vật lý 3. Vật lý kỹ thuật 4. Vật lý kỹ thuật và điện tử 5. Vật lý nguyên tử và hạt nhân 6. Vật lý y khoa 7. Kỹ thuật hạt nhân 8. Công nghệ kỹ thuật hạt nhân 9. Kỹ thuật điện 10. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	1. Cơ kỹ thuật 2. Thiên văn học 3. Khoa học vật liệu 4. Công nghệ vật liệu 5. Kỹ thuật vật liệu 6. Hóa học 7. Công nghệ kỹ thuật hóa học 8. Kỹ thuật hóa học 9. Khoa học môi trường 10. Công nghệ kỹ thuật môi trường 11. Kỹ thuật môi trường 12. Toán ứng dụng	1. Cơ học lượng tử 2. Cơ sở vật lý hạt nhân 3. Xử lý số liệu thực nghiệm	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>11. Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông</li> <li>12. Kỹ thuật điện tử - viễn thông</li> <li>13. Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>14. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>13. Công nghệ thông tin</li> <li>14. Khoa học máy tính</li> <li>15. Tin học</li> <li>16. Quản lý Tài nguyên và Môi trường</li> </ul>	
3	<b>Hóa phân tích</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hóa học</li> <li>2. Hóa dược</li> <li>3. Sư phạm Hóa học</li> <li>4. Dược học</li> <li>5. Công nghệ kỹ thuật hóa học</li> <li>6. Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học vật liệu</li> <li>2. Khoa học môi trường</li> <li>3. Công nghệ kỹ thuật môi trường</li> <li>4. Công nghệ thực phẩm</li> <li>5. Công nghệ sinh học</li> <li>6. Công nghệ sau thu hoạch</li> <li>7. Công nghệ vật liệu</li> <li>8. Công nghệ kỹ thuật hạt nhân</li> <li>9. Kỹ thuật y sinh</li> <li>10. Kỹ thuật thực phẩm</li> <li>11. Kỹ thuật môi trường</li> <li>12. Kỹ thuật vật liệu</li> <li>13. Kỹ thuật xét nghiệm y học</li> <li>14. Đảm bảo chất lượng và an</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hóa cấu tạo</li> <li>2. Hóa phân tích</li> <li>3. Phân tích công cụ</li> </ul>



			toàn thực phẩm.	
4	<b>Sinh thái học</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sinh học</li> <li>2. Công nghệ sinh học</li> <li>3. Lâm Sinh</li> <li>4. Sinh học ứng dụng</li> <li>5. Sinh học thực nghiệm</li> <li>6. Sư phạm sinh học</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản lý và bảo vệ rừng</li> <li>2. Nông học</li> <li>3. Bảo vệ thực vật</li> <li>4. Trồng trọt</li> <li>5. Chăn nuôi</li> <li>6. Thủy sản</li> <li>7. Khoa học cây trồng</li> <li>8. Tài nguyên môi trường</li> <li>9. Kỹ thuật môi trường</li> <li>10. Khoa học biển</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nguyên tác sinh thái học</li> <li>2. Sinh thái học quần thể</li> </ol>
5	<b>Sinh học thực nghiệm</b>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công nghệ sinh học</li> <li>2. Sinh học ứng dụng</li> <li>3. Sinh thái học</li> <li>4. Kỹ thuật môi trường</li> <li>5. Công nghệ môi trường</li> <li>6. Sinh học</li> <li>7. Y sinh</li> <li>8. Môi trường</li> <li>9. Nông học</li> <li>10. Sư phạm Sinh học</li> <li>11. Thủy sản</li> <li>12. Công nghệ thực phẩm</li> <li>13. Công nghệ Sau thu hoạch</li> <li>14. Y dược</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công nghệ/ Kỹ thuật hữu cơ và hóa dầu</li> <li>2. Công nghệ / Kỹ thuật môi trường</li> <li>3. Sư phạm Hóa học</li> <li>4. Cử nhân Khoa học Hóa học</li> <li>5. Cử nhân Hóa dược</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở di truyền</li> <li>2. Sinh học phân tử</li> <li>3. Vi sinh</li> <li>4. Sinh lý thực vật</li> </ol>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>15. Chăn nuôi – thú y</li> <li>16. Bảo vệ thực vật</li> <li>17. Dược</li> </ul>		
6	<b>Văn học Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Văn học</li> <li>2. Ngữ văn</li> <li>3. Ngữ văn – Báo chí</li> <li>4. Ngữ văn Sư phạm</li> <li>5. Ngôn ngữ học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Báo chí và truyền thông</li> <li>2. Báo chí học</li> <li>3. Ngữ văn Trung Quốc</li> <li>4. Văn hóa học</li> <li>5. Hán Nôm</li> <li>6. Việt Nam học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Văn học dân gian Việt Nam</li> <li>2. Văn học Việt Nam trung đại 1 (X-XV)</li> <li>3. Văn học Việt Nam trung đại 2 (XVI - XIX)</li> <li>4. Văn học Việt Nam cận đại</li> <li>5. Văn học Việt Nam hiện đại 1 (1930 - 1975)</li> <li>6. Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - 2020)</li> <li>7. Ngôn ngữ và văn học</li> <li>8. Lý luận văn học</li> </ul>
7	<b>Lịch sử Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử</li> <li>2. Su phạm Lịch sử</li> <li>3. Lịch sử Việt Nam</li> <li>4. Lịch sử Thế giới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Thư viện học</li> <li>2. Văn hóa Du lịch</li> <li>3. Trung Quốc học</li> <li>4. Hàn Quốc học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Việt Nam</li> <li>2. Lịch sử thế giới</li> <li>3. Nhập môn sử học và PP luận sử học</li> </ul>

	<p>5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>6. Khảo cổ học</p> <p>7. Nhân học (Dân tộc học)</p> <p>8. Quan hệ quốc tế</p> <p>9. Bảo tàng học</p> <p>10. Lưu trữ học</p> <p>11. Việt Nam học</p> <p>12. Văn hóa học</p> <p>13. Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>14. Sử liệu học</p>	<p>5. Nhật Bản học</p> <p>6. Quốc tế học</p> <p>7. Đông Nam Á học</p> <p>8. Khoa học Chính trị</p> <p>9. Tôn giáo học</p> <p>10. Công tác xã hội</p> <p>11. Dân số và phát triển</p> <p>12. Xã hội học</p> <p>13. Phát triển cộng đồng</p> <p>14. Khoa học quân sự</p> <p>15. Đông phương học</p>	<p>4. Các lý thuyết xã hội học căn bản và Thống kê xã hội</p>
8	<p><b>Quản trị kinh doanh</b></p> <p>1. Quản trị kinh doanh</p> <p>2. Quản trị khách sạn</p> <p>3. Kinh doanh thời trang và dệt may</p> <p>4. Marketing</p> <p>5. Kinh doanh quốc tế</p> <p>6. Kinh doanh thương mại</p> <p>7. Tài chính – Ngân hàng</p> <p>8. Bảo hiểm</p> <p>9. Kế toán</p> <p>10. Kiểm toán</p>	<p>1. Kinh tế học</p> <p>2. Kinh tế quốc tế</p> <p>3. Kinh tế công nghiệp</p> <p>4. Kinh tế xây dựng</p> <p>5. Quản lý xây dựng</p> <p>6. Bất động sản</p> <p>7. Kinh tế nông nghiệp</p> <p>8. Quản lý bệnh viện</p> <p>9. Kinh tế gia đình</p> <p>10. Kinh tế vận tải</p> <p>11. Quản lý tài nguyên và môi</p>	<p>1. Quản trị marketing</p> <p>2. Quản trị chất lượng</p> <p>3. Quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>4. Kinh tế vi mô</p> <p>5. Kinh tế vĩ mô</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>11. Khoa học quản lý</li> <li>12. Quản trị nhân lực</li> <li>13. Hệ thống thông tin quản lý</li> <li>14. Quản trị văn phòng.</li> <li>15. Tài chính - Doanh nghiệp</li> <li>16. Quản trị doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>trường</li> <li>12. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.</li> <li>13. Công nghệ chứng khoán</li> <li>14. Công nghệ ngân hàng</li> <li>15. Đầu tư</li> <li>16. Đầu tư bảo hiểm</li> <li>17. Du lịch</li> <li>18. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</li> <li>19. Kế hoạch hóa</li> <li>20. Kinh doanh bảo hiểm</li> <li>21. Kinh tế bưu chính viễn thông</li> <li>22. Kinh tế chính trị</li> <li>23. Kinh tế công</li> <li>24. Kinh tế công cộng</li> <li>25. Kinh tế đầu tư</li> <li>26. Kinh tế đối ngoại</li> <li>27. Kinh tế du lịch</li> <li>28. Kinh tế kế hoạch đầu tư</li> <li>29. Kinh tế lao động</li> <li>30. Kinh tế môi trường</li> <li>31. Kinh tế nông nghiệp</li> </ul>	
--	---	---	--

		<p>32. Kinh tế phát triển</p> <p>33. Kinh tế quản lý</p> <p>34. Kinh tế thương mại</p> <p>35. Kinh tế thủy lợi</p> <p>36. Kinh tế thủy sản</p> <p>37. Kinh tế tuần hoàn</p> <p>38. Kinh tế và quản lý địa chính</p> <p>39. Kinh tế và quản lý du lịch</p> <p>40. Kinh tế và quản lý thương mại</p> <p>41. Logistic</p> <p>42. Quản lý công nghiệp</p> <p>43. Quản lý đô thị</p> <p>44. Quản lý kinh tế và chính sách</p> <p>45. Quản lý nhà nước</p> <p>46. Quản trị chất lượng</p> <p>47. Quản trị công</p> <p>48. Quản trị du lịch</p> <p>49. Quản trị kinh doanh nông nghiệp</p> <p>50. Quản trị kinh doanh tổng hợp</p>	
--	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>51. Tài chính công đoàn</li> <li>52. Tài chính du lịch</li> <li>53. Tài chính ứng dụng</li> <li>54. Tài chính vi mô</li> <li>55. Thị trường chứng khoán</li> <li>56. Thống kê kinh tế</li> <li>57. Thương mại</li> <li>58. Thương mại điện tử</li> <li>59. Toán kinh tế</li> <li>60. Toán tài chính</li> <li>61. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</li> </ul>	
9	<p><b>Ngôn ngữ Anh</b></p>	<p>1. Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh du lịch, Tiếng Anh biên phiên dịch, Tiếng Anh quan hệ quốc tế, Tiếng Anh pháp lý, Tiếng Anh truyền thông ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>2. Tiếng Anh</li> <li>3. Ngữ Văn Anh</li> <li>4. Sư phạm tiếng Anh</li> <li>5. Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Anh – Pháp</li> <li>2. Anh – Nga</li> <li>3. Anh – Đức</li> <li>4. Anh – Trung</li> <li>5. Anh học</li> <li>6. Hoa kỳ học, v.v.</li> </ul>
			<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Ngữ âm &amp; Âm vị học tiếng Anh</li> <li>2. Ngữ nghĩa học</li> <li>3. Hình Thái học &amp; Cú pháp tiếng Anh</li> </ul>

10	<b>Luật</b>	6. Văn chương Anh – Mỹ		
	<b>Luật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Luật</li> <li>2. Luật hiến pháp và luật hành chính</li> <li>3. Luật dân sự và tố tụng dân sự</li> <li>4. Luật hình sự và tố tụng hình sự</li> <li>5. Luật kinh tế</li> <li>6. Luật quốc tế</li> <li>7. Luật thương mại quốc tế</li> <li>8. Luật kinh doanh</li> </ul>		

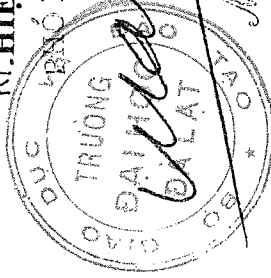
11	<b>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</b>	1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành 2. Quản trị khách sạn 3. Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; 4. Du lịch 5. Văn hóa du lịch 6. Du lịch học 7. Địa lý du lịch 8. Hướng dẫn du lịch.	1. Quản trị kinh doanh 2. Quản trị nhân lực 3. Kinh doanh thương mại 4. Kinh doanh quốc tế 5. Kinh tế nông nghiệp 6. Quản lý kinh tế 7. Kinh tế đầu tư 8. Kinh tế phát triển 9. Marketing 10. Tài chính ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, tài chính công) 11. Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán hành chính sự nghiệp) 12. Kiểm toán 13. Quản lý thể dục, thể thao 14. Tiếng anh du lịch 15. Tiếng Pháp du lịch 16. Các ngành khác phải có ít nhất 03 năm làm việc liên tục trong lĩnh vực du lịch (có giấy xác nhận công tác): Ngoại ngữ,	- Các ngành học bổ sung kiến thức từ 1 đến 15 học bổ sung 3 học phần: 1. Nhập môn ngành du lịch 2. Kinh tế du lịch 3. Quản trị khách sạn - Các ngành khác học bổ sung các học phần: 1. Nhập môn ngành du lịch 2. Quản trị lữ hành 3. Kinh tế du lịch 4. Quản trị khách sạn 5. Marketing căn bản
----	--	---	--	--



			<p>Văn hóa, Sư phạm địa lý, Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam, Văn hoá học, Lịch sử, Quản lý văn hoá, Địa lý học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học....</p>	
--	--	--	--	--

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
ĐÀ LẠT



*Ngô Văn Cường*

PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC

*Ngô Văn Cường*

